

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN MẦM NON Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM BÀ RỊA - VŨNG TÀU

• TS. Trần Văn Hiếu^(*), CN. Nguyễn Thị Thu Vân^(**)

Tóm tắt

Trên cơ sở phân tích thực trạng công tác quản lý hoạt động đào tạo giáo viên mầm non ở Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu, bài viết đưa ra một số biện pháp có tính khả thi nhằm khắc phục những hạn chế trong quản lý hoạt động đào tạo giáo viên mầm non của nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu nhân lực cho giáo dục mầm non tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Đào tạo, giáo viên mầm non, quản lý.

1. Đặt vấn đề

Giáo dục mầm non là bậc học đầu tiên của hệ thống giáo dục quốc dân, đặt nền móng cho sự phát triển về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ... của trẻ, chuẩn bị những tiền đề cần thiết cho trẻ bước vào các bậc học phổ thông. Vì vậy, việc đào tạo và phát triển đội ngũ giáo viên (GV) cho bậc học mầm non là nhiệm vụ cấp bách trong quá trình đổi mới và phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo nước nhà.

Trường Cao đẳng Sư phạm (CĐSP) Bà Rịa - Vũng Tàu là một cơ sở đào tạo có nhiệm vụ đào tạo đội ngũ giáo viên mầm non (GVMN) có những phẩm chất và năng lực cơ bản, có đủ trình độ chuyên môn và nghiệp vụ đáp ứng được yêu cầu đổi mới, phát triển giáo dục mầm non của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trong giai đoạn mới.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, công tác đào tạo GVMN ở Trường CĐSP Bà Rịa - Vũng Tàu bộc lộ bất cập trên nhiều phương diện, chất lượng đào tạo chưa cao. Nhà trường cần phải giải quyết đồng bộ các vấn đề khác nhau. Đó là việc cải tiến mục tiêu, nội dung, chương trình, kế hoạch đào tạo; phát triển đội ngũ GV và cán bộ quản lý (CBQL), tăng cường quản lý hoạt động giảng dạy, quản lý sinh viên (SV) và hoạt động học tập, kiểm tra, đánh giá

kết quả đào tạo... Để góp phần giải quyết các vấn đề trên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài “*Biện pháp quản lý hoạt động đào tạo GVMN ở Trường CĐSP Bà Rịa - Vũng Tàu*”. Bài báo trình bày những kết quả nghiên cứu chủ yếu của đề tài.

2. Đánh giá chung về quản lý hoạt động đào tạo GVMN ở Trường CĐSP Bà Rịa - Vũng Tàu

Để đánh giá về thực trạng quản lý hoạt động đào tạo GVMN ở Trường CĐSP Bà Rịa - Vũng Tàu, chúng tôi đã tiến hành khảo sát trên 20 CBQL, 30 GV, 179 SV hệ Cao đẳng của nhà trường và 145 CBQL, GV các trường mầm non trên đại bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Kết hợp sử dụng số liệu thống kê của nhà trường về kết quả đào tạo từ năm 2011 đến 2013. Kết quả nghiên cứu được xử lý bằng các phép toán thống kê và phần mềm SPSS 16.0. Đánh giá định lượng dựa trên các thông số cơ bản là tần suất (%) và điểm trung bình cộng (ĐTB) cho các nội dung khảo sát.

2.1. Quản lý mục tiêu đào tạo

Kết quả khảo sát thực trạng về quản lý mục tiêu đào tạo GVMN ở Trường CĐSP Bà Rịa - Vũng Tàu được thể hiện ở bảng 1.

^(*) Khoa Tâm lý - Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.

^(**) Học viên cao học, Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bảng 1. Kết quả khảo sát đánh giá về quản lý mục tiêu đào tạo

| Nội dung khảo sát | Đối tượng | Mức độ đánh giá (%) | | | | | \bar{X} |
|--|-----------|---------------------|------|-------------|------|---------|-------------|
| | | Rất kém | Kém | Bình thường | Tốt | Rất tốt | |
| Xây dựng mục tiêu đào tạo GVMN phù hợp với thực tiễn đổi mới giáo dục mầm non. | CBQL | 0 | 15 | 35 | 35 | 15 | 3.50 |
| | GV | 0 | 13.3 | 33.3 | 36.7 | 16.7 | 3.57 |
| Xây dựng và phát triển mục tiêu đào tạo để đáp ứng chuẩn đầu ra | CBQL | 0 | 15 | 35 | 30 | 20 | 3.50 |
| | GV | 0 | 0 | 46.7 | 30.0 | 23.3 | 3.77 |
| Định kì kiểm tra và điều chỉnh mục tiêu đào tạo | CBQL | 0 | 45 | 5 | 30 | 20 | 3.30 |
| | GV | 0 | 0 | 53.4 | 33.3 | 13.3 | 3.60 |

Kết quả khảo sát cho thấy mức độ trung bình các tiêu chí là $\bar{X}_{\min} = 3.30$ và $\bar{X}_{\max} = 3.77$ chỉ đạt ở mức khá và mức tốt tương đối. Thực tế, trường cũng đã chú trọng xây dựng mục tiêu đào tạo phù hợp với thực tiễn đổi mới giáo dục mầm non và đáp ứng chuẩn đầu ra. Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng cần tổ chức định kì kiểm tra và điều chỉnh mục tiêu đào tạo cho phù hợp với nhu cầu

giáo dục trong thời đại mới.

2.2. Quản lý nội dung, chương trình đào tạo GVMN

Để tìm hiểu thực trạng quản lý nội dung, chương trình đào tạo GVMN, chúng tôi đưa ra 4 tiêu chí đánh giá mức độ thực hiện việc quản lý nội dung, chương trình đào tạo GVMN và kết quả được tổng hợp ở bảng 2.

Bảng 2. Kết quả khảo sát đánh giá về nội dung, chương trình đào tạo GVMN

| Nội dung khảo sát | Đối tượng | Kết quả thực hiện (%) | | | | | \bar{X} |
|--|-----------|-----------------------|------|-------------|------|---------|-------------|
| | | Rất kém | Kém | Bình thường | Tốt | Rất tốt | |
| Xây dựng chương trình đào tạo các bộ môn thuộc ngành Sư phạm Mầm non | CBQL | 0 | 0 | 35 | 40 | 25 | 3.90 |
| | GV | 0 | 23.3 | 13.3 | 26.7 | 36.7 | 3.77 |
| Tổ chức xây dựng đề cương chi tiết học phần và tín chỉ | CBQL | 0 | 0 | 25 | 40 | 35 | 4.10 |
| | GV | 0 | 16.7 | 0 | 50 | 33.3 | 4.00 |
| Định kỳ kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giáo dục | CBQL | 0 | 0 | 20 | 60 | 20 | 4.00 |
| | GV | 0 | 36.7 | 0 | 33.3 | 30 | 3.57 |
| Điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với mục tiêu đào tạo | CBQL | 0 | 10 | 60 | 20 | 10 | 3.30 |
| | GV | 0 | 26.7 | 30.0 | 43.3 | 0 | 3.17 |

Theo kết quả khảo sát, giá trị trung bình (\bar{X}) cho các tiêu chí đạt từ 3.17 đến 4.10, trong đó tiêu chí “Tổ chức xây dựng đề cương chi tiết

học phần và tín chỉ” được đánh giá ở mức cao nhất, chứng tỏ thực tế trường đã thực hiện tốt việc này. Tuy nhiên, bên cạnh mặt tốt cũng còn

hạn chế về mặt kiểm tra thực hiện kế hoạch giáo dục (36.7% theo đánh giá của CBQL và 45% theo đánh giá của GV). Chính nguyên nhân này cũng kéo theo việc xem xét điều chỉnh kế hoạch giáo dục chưa được chú trọng (chiếm 26.7% đánh giá ở mức kém của GV), mà đây là khâu

cần thiết khi chúng ta muốn đổi mới công tác quản lý đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đầu ra đáp ứng yêu cầu mới về đổi mới căn bản toàn diện nền giáo dục.

2.3. Quản lý hoạt động giảng dạy của giảng viên

Bảng 3. Tổng hợp đánh giá về quản lý hoạt động giảng dạy của giảng viên

| Nội dung khảo sát | Đối tượng | Kết quả thực hiện (%) | | | | | \bar{X} |
|---|-----------|-----------------------|------|-------------|------|---------|-------------|
| | | Rất kém | Kém | Bình thường | Tốt | Rất tốt | |
| Lập kế hoạch phân công, giảng dạy, phân công soạn giáo án | CBQL | 0 | 0 | 0 | 25 | 75 | 4.75 |
| | GV | 0 | 0 | 0 | 50 | 50 | 4.50 |
| Tổ chức dự giờ, thăm lớp và hội giảng trong các bộ môn | CBQL | 0 | 0 | 0 | 50 | 50 | 4.50 |
| | GV | 0 | 16.7 | 0 | 23.3 | 60 | 4.27 |
| Chỉ đạo và quản lý hồ sơ chuyên môn của GV | CBQL | 0 | 0 | 15 | 55 | 30 | 4.15 |
| | GV | 0 | 20 | 0 | 36.7 | 43.3 | 4.03 |
| Kiểm tra - đánh giá hồ sơ chuyên môn của GV, hoạt động lên lớp của GV | CBQL | 0 | 0 | 15 | 45 | 40 | 4.25 |
| | GV | 0 | 10 | 0 | 70 | 20 | 4.00 |

Kết quả khảo sát cho thấy thực tế các CBQL và GV đều đánh giá các tiêu chí ở mức tốt (tỷ lệ trung bình (\bar{X}) chiếm từ 4.00 đến 4.75 là đạt ở mức tốt đến rất tốt). Tuy nhiên, vẫn còn một số ý kiến của GV lại cho rằng việc tổ chức dự giờ, thăm lớp và chỉ đạo quản lý hồ sơ chuyên môn của GV còn kém hiệu quả (tỷ lệ đánh giá từ 16.7% đến 20%). Vì thiếu kiểm tra dẫn đến một số bộ phận GV dạy vượt giờ chuẩn, trong khi đó một số GV khác lại thiếu giờ tiêu chuẩn.

Nhà trường thường tổ chức kiểm tra, thao

giảng, dự giờ của GV theo quy định nhưng việc dự giờ, kiểm tra chủ yếu nhằm mục đích đánh giá, xếp loại GV hơn là rút kinh nghiệm cho GV điều chỉnh, khắc phục hạn chế, nâng cao năng lực cho GV. Đây là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy của GV và công tác quản lý hoạt động đào tạo GVMN của nhà trường.

2.4. Quản lý hoạt động học tập của sinh viên, học sinh

Việc quản lý hoạt động học tập của sinh viên - học sinh (SV-HS) được thể hiện ở bảng 4.

Bảng 4. Thực trạng quản lý hoạt động học tập của SV-HS

| Nội dung khảo sát | Đối tượng | Kết quả thực hiện (%) | | | | | \bar{X} |
|---|-----------|-----------------------|------|-------------|------|---------|-------------|
| | | Rất kém | Kém | Bình thường | Tốt | Rất tốt | |
| Lập kế hoạch năm học hợp lý cân đối giữa các môn học trong một học kỳ | CBQL | 0 | 40 | 5.0 | 30 | 25 | 3.40 |
| | GV | 0 | 26.7 | 40 | 33.3 | 0 | 3.07 |
| Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm | CBQL | 0 | 15 | 30 | 40 | 15 | 3.55 |
| | GV | 0 | 16.7 | 16.7 | 66.6 | 0 | 3.50 |

| | | | | | | | |
|--|------|---|------|------|------|------|-------------|
| Phối hợp với các trường mầm non tổ chức công tác thực tập sư phạm | CBQL | 0 | 0 | 10 | 65 | 25 | 4.15 |
| | GV | 0 | 0 | 23.3 | 53.4 | 23.3 | 3.93 |
| Chỉ đạo quản lý hoạt động học tập và nề nếp giờ giấc lên lớp của SV | CBQL | 0 | 0 | 60 | 40 | 0 | 3.40 |
| | GV | 0 | 0 | 40 | 50 | 10 | 3.70 |
| Phối hợp với ban cán sự lớp, kiểm tra - đánh giá tình hình học tập của lớp | CBQL | 0 | 25 | 20 | 30 | 25 | 3.55 |
| | GV | 0 | 26.7 | 20 | 43.3 | 10 | 3.37 |

Bảng trên cho thấy có hơn 40% CBQL và GV đánh giá việc lập kế hoạch năm học chưa hợp lý cân đối giữa các môn học trong một học kỳ ($\bar{X} = 3.40$ (CBQL) và $\bar{X} = 3.07$ (GV) chỉ đạt mức khá). Trong suốt năm học, nhà trường đã thực hiện quản lý tốt hoạt động học tập và nề nếp giờ giấc lên lớp của SV-HS bằng cách phối hợp với ban cán sự lớp, kiểm tra - đánh giá tình hình học tập của lớp. Việc phối hợp với các trường mầm non trong tổ chức công tác thực tập

sư phạm cũng rất hiệu quả ($\bar{X} = 4.15$ (CBQL) và $\bar{X} = 3.93$ (GV) đạt mức tốt).

2.5. Quản lý CSVC-TBDH phục vụ hoạt động đào tạo

Hiện nay, quy mô đào tạo GVMN của trường là trên 500 SV, số lượng các phương tiện dạy học trang bị cho khoa chưa tương xứng. Trang thiết bị, phương tiện dạy học hiện tại chưa đáp ứng tốt cho một số hoạt động giáo dục. Kết quả khảo sát thực trạng được trình bày qua bảng sau:

Bảng 5. Thực trạng quản lý CSVC-TBDH

| Nội dung khảo sát | Đối tượng | Kết quả thực hiện (%) | | | | | \bar{X} |
|--|-----------|-----------------------|------|-------------|------|---------|-------------|
| | | Rất kém | Kém | Bình thường | Tốt | Rất tốt | |
| Lập kế hoạch tăng cường bổ sung thiết bị, sách báo, tư liệu tham khảo | CBQL | 0 | 20 | 35 | 20 | 25 | 3.50 |
| | GV | 0 | 26.7 | 13.3 | 33.3 | 26.7 | 3.60 |
| Tổ chức các buổi tập huấn về phương pháp sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học hiện đại cho GV | CBQL | 0 | 0 | 35 | 45 | 20 | 3.85 |
| | GV | 0 | 16.7 | 16.7 | 43.3 | 23.3 | 3.73 |
| Chỉ đạo các Bộ môn trong việc bảo quản CSVC-TBDH | CBQL | 0 | 0 | 15 | 45 | 40 | 4.25 |
| | GV | 0 | 0 | 10 | 63.3 | 26.7 | 4.17 |
| Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sử dụng và bảo quản CSVC-TBDH của GV | CBQL | 0 | 25 | 30 | 45 | 0 | 3.20 |
| | GV | 0 | 16.7 | 33.3 | 50 | 0 | 3.33 |

Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy dù cơ sở vật chất chưa đáp ứng tốt nhu cầu, nguyện vọng của GV nhưng về cơ bản vẫn phục vụ tốt cho việc dạy và học. Tuy nhiên, công tác quản lý CSVC-TBDH của trường còn hạn chế. Nhìn bảng cho thấy mức độ trung bình các tiêu chí là $\bar{X}_{\min} = 3.20$ và $\bar{X}_{\max} = 4.25$ chỉ đạt ở mức trung bình và khá. Nguyên nhân có thể do thiếu phối hợp

với lãnh đạo nhà trường tổ chức tập huấn phương pháp sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học hiện đại cho GV, thiếu chỉ đạo với các bộ môn trong việc bảo quản CSVC-TBDH nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng TBDH, và hầu như không có kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sử dụng và bảo quản CSVC-TBDH của GV ($\bar{X} = 3.20$ (CBQL) và $\bar{X} = 3.33$ (GV)).

2.6. Chất lượng đào tạo GVMN

Bảng 7. Kết quả xếp loại tốt nghiệp ngành giáo dục mầm non trong 3 năm từ 2011 - 2013

| Khóa tốt nghiệp | SV đầu vào/ SV đủ điều kiện tốt nghiệp | Tỉ lệ (%) | Xếp loại (%) | | | |
|--|---|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| | | | Giỏi | Khá | TB khá | Trung bình |
| 1. Hệ cao đẳng sư phạm mầm non | | | | | | |
| Khóa 12 (2008 - 2011) | 73/69 | 94.5 | 5 (7.2) | 48 (69.6) | 16 (23.2) | |
| Khóa 13 (2009 - 2012) | 58/56 | 96.5 | | 30 (53.6) | 26 (46.4) | |
| Khóa 14 (2010 - 2013) | 36/31 | 86.1 | 3 (9.7) | 16 (51.6) | | 12 (38.7) |
| 2. Hệ trung cấp sư phạm mầm non | | | | | | |
| Khóa 35 (2009 - 2011) | 144/126 | 87.5 | 9 (7.2) | 80 (63.4) | 36 (28.6) | 1 (0.8) |
| Khóa 36 (2010 - 2012) | 148/134 | 90.5 | 1 (0.7) | 36 (26.9) | 88 (65.7) | 9 (6.7) |
| Khóa 37 (2011 - 2013) | 169/156 | 92.3 | 3 (1.9) | 30 (19.2) | 74 (47.5) | 49 (31.4) |

(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Phòng Đào tạo)

Trường luôn duy trì ổn định kết quả xét tốt nghiệp trên 85%. Tuy nhiên, xếp loại tốt nghiệp của SV-HS không đồng đều ở mỗi khóa. Nhìn chung, chất lượng đào tạo chưa cao, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp loại khá, giỏi còn thấp và sinh viên tốt nghiệp đạt loại trung bình khá và trung bình còn cao.

2.7. Đánh giá chung về hiệu quả đào tạo

Hiệu quả đào tạo là sự đánh giá khả năng

thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục của SV-HS khi tốt nghiệp về các trường mầm non nhận công tác. Đó là tỷ lệ những SV-HS đã hòa nhập được vào các hoạt động của trường mầm non. Kết quả khảo sát ở bảng 8 cho thấy hiệu quả đào tạo GVMN của nhà trường chưa cao, chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh.

Bảng 8. Chất lượng đầu ra của ngành Sư phạm Mầm non

| Kết quả | Số người chọn (n=145) | Tỷ lệ (%) |
|---|--------------------------|------------|
| Hoàn toàn chưa đáp ứng yêu cầu của xã hội | 25 | 17.2 |
| Chỉ đáp ứng một phần yêu cầu của xã hội | 46 | 31.7 |
| Đáp ứng yêu cầu xã hội | 40 | 27.6 |
| Đáp ứng tương đối tốt yêu cầu của xã hội | 20 | 13.8 |
| Đáp ứng tốt yêu cầu xã hội | 14 | 9.7 |
| Tổng | 145 | 100 |

3. Một số nguyên nhân chủ yếu

Do công tác quản lý hoạt động đào tạo GVMN còn yếu, thiếu đồng bộ. Một số bộ môn còn thiếu

giảng viên có trình độ chuyên môn cao và có kinh nghiệm. Một bộ phận GV chậm đổi mới phương pháp, ít nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ

chuyên môn, năng lực giảng dạy; một bộ phận CBQL và chuyên viên chưa được đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực, nghiệp vụ công tác.

Các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng đào tạo như nghiên cứu khoa học chuyên ngành, hội thảo, hội giảng... đã được quan tâm nhưng chưa có lộ trình và biện pháp rõ ràng, chưa có sự đánh giá, tổng kết hoạt động và nhìn chung chưa có hiệu quả.

Mặc dù cơ sở vật chất phục vụ đào tạo ngành giáo dục mầm non đã từng bước được bổ sung, hoàn thiện nhưng vẫn còn thiếu thốn nhiều, chưa đáp ứng được yêu cầu đào tạo. Một số phòng học đa năng chưa khai thác triệt để; đặc biệt các thiết bị internet, thiết bị thực hành chưa được tận dụng và khai thác triệt để.

Các chế độ, chính sách khuyến khích giảng dạy và nghiên cứu khoa học chưa phù hợp. Vì vậy, chưa tạo điều kiện cho giảng viên tập trung đầu tư nhiều cho việc đổi mới phương pháp giảng dạy, nghiên cứu và việc biên soạn tài liệu, giáo trình phục vụ cho công tác đào tạo của nhà trường.

Phương pháp giảng dạy nặng về lý thuyết, chưa thực sự chú trọng đến hoạt động thực hành, thực tế ở trường mầm non. Việc phối hợp với các cơ sở giáo dục mầm non trong đào tạo GVMN còn hạn chế. Chưa khai thác hết những lợi thế của các cơ sở trong việc tổ chức thực hành, thực tập sư phạm cho SV.

4. Các biện pháp quản lý hoạt động đào tạo GVMN ở Trường CĐSP Bà Rịa - Vũng Tàu

4.1. Nâng cao nhận thức về đổi mới quản lý hoạt động đào tạo, đảm bảo chất lượng đào tạo và xây dựng văn hóa về chất lượng

Về phía nhà trường:

- Tổ chức hội thảo, diễn đàn để phát hiện các điểm yếu, đề xuất biện pháp đổi mới quản lý hoạt động đào tạo GVMN trong giai đoạn mới 2015 - 2020.

- Quản lý tốt việc thực hiện nề nếp sinh hoạt, học tập trong GV và SV-HS. Chú trọng đến công tác giữ gìn an ninh trật tự, đề phòng các tệ nạn xã hội xảy ra trong SV-HS.

- Tiếp tục đẩy mạnh giáo dục toàn diện trong SV-HS: giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; giáo dục đạo đức, giáo dục pháp luật.

Về phía Trường khoa: Tăng cường chỉ đạo, quản lý các điều kiện đảm bảo chất lượng như tập trung bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ GV và CBQL trong khoa.

4.2. Đổi mới cơ chế quản lý theo hướng kiện toàn cơ cấu tổ chức quản lý đào tạo, tăng cường phân cấp quản lý

Đối với lãnh đạo nhà trường: cần phát huy tính tự chủ và trách nhiệm xã hội của nhà trường trong việc nâng cao hiệu quả quản lý đào tạo GVMN. Tăng cường nhân sự chịu trách nhiệm chính về mặt học thuật cho ngành đào tạo GVMN.

Đối với phòng đào tạo: Phân chia các bộ phận, chuyên viên quản lý làm việc quản lý theo khối đào tạo hoặc làm việc quản lý theo từng mặt hoạt động cụ thể.

Đối với khoa Tiểu học và Tổ bộ môn mầm non: Điều hành tốt kế hoạch đào tạo, quản lý SV-HS, quản lý kết quả đào tạo và tổng hợp kết quả về phòng đào tạo.

4.3. Tăng cường xây dựng và phát triển chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy ngành Sư phạm Mầm non

Xây dựng và phát triển chương trình cho phù hợp chuẩn đầu ra

- Cơ sở xây dựng chương trình: Căn cứ vào chương trình khung hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, căn cứ chuẩn đầu ra của ngành đào tạo đã công bố.

- Về khối lượng kiến thức: giảm bình quân 10% số tín chỉ trong tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa sao cho đạt từ 90 - 100 tín chỉ.

- Về cấu trúc: thiết kế đan xen giữa lý thuyết và thực hành; tăng tỷ lệ dạy thực hành, thực tập từ 40% đến 60% tổng khối lượng kiến thức chương trình đào tạo.

- Quy định mỗi khối kiến thức có 2 phần tự chọn và bắt buộc.

- Chương trình đào tạo cần có sự gắn kết giữa kiến thức lý thuyết với rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp ở trường mầm non.

Định kỳ kiểm tra chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy

- Điều chỉnh học phần phải chú ý đến vấn đề liên thông của bậc học.

- Đối với các học phần điều chỉnh, Trưởng

khoa chỉ đạo các Bộ môn liên quan phải điều chỉnh lại đề cương chi tiết học phần, cập nhật tài liệu tham khảo.

4.4. Tăng cường phối hợp với cơ sở giáo dục mầm non trong đào tạo GVMN

Tăng cường liên kết với các cơ sở giáo dục mầm non trong việc lập kế hoạch và tổ chức các chương trình tìm hiểu thực tế, thực hành, kiến tập và thực tập sư phạm.

Nhà trường cũng cần phối hợp với trường mầm non để tổ chức các sinh hoạt chuyên đề, mời các Hiệu trưởng, GVMN có nhiều kinh nghiệm dạy các nội dung chuyên đề, hướng dẫn thực hành; xây dựng và hoàn thiện mục tiêu, nội dung, chương trình đào tạo...

Nhà trường cần có chủ trương tạo điều kiện về mặt kinh phí cho GV lên kế hoạch tổ chức tham quan học tập tại trường mầm non, nhất là các bộ môn về phương pháp.

4.5. Đổi mới quản lý hoạt động giảng dạy của giảng viên

Tăng cường quản lý hoạt động của Tổ bộ môn: Phân công đúng chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận trong khoa, đẩy mạnh các hoạt động đào tạo của các Bộ môn, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học trong GV.

Tăng cường quản lý hoạt động giảng dạy của giảng viên: Xây dựng một số quy định về việc thực hiện quy chế chuyên môn, quản lý chặt chẽ công tác chuẩn bị giờ lên lớp của GV, quản lý chặt chẽ giờ lên lớp của GV.

4.6. Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV-HS

Quản lý bài kiểm tra bài tập, tiểu luận, đề tài nghiên cứu khoa học của SV-HS và quản lý kết quả học tập của SV-HS trên máy tính.

Kiểm tra, đánh giá việc thực thi quy chế chuyên môn của GV: Thường xuyên dự giờ, kiểm tra công tác chuẩn bị giáo án lên lớp, đánh giá mức độ GV có chú trọng đến hình thức và nội dung kiểm tra, thi phù hợp với đề cương môn học đã công bố cho SV; đảm bảo công bằng, chính xác, khách quan trong khâu chấm thi.

Tăng cường sử dụng các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả tiên tiến, giảm sử dụng phương pháp truyền thống như thi viết, tăng cường sử dụng phương pháp trắc nghiệm khách

quan, vấn đáp, thực hành và coi trọng việc đánh giá theo năng lực.

4.7. Đổi mới phương pháp giảng dạy và tăng cường dạy thực hành

- Tăng cường dạy thực hành trên lớp và học tập thực tế ở trường mầm non.

+ Tinh giảm phần trình bày, GV phải biết thiết kế nội dung bài học để hướng dẫn người học tự học, tự nghiên cứu ở nhà, tăng cường giờ thực hành trên lớp, nhất là các bộ môn thuộc chuyên ngành để nâng cao kỹ năng sư phạm cho SV-HS mầm non: kỹ năng đàn, hát, múa, vẽ.

+ Thường xuyên liên kết với các trường mầm non tổ chức các buổi dự giờ, tham quan học tập kiến thức.

+ Phát huy vai trò tích cực, sáng tạo của người học. Đó là các hình thức: tự học ở nhà, tìm kiếm thông tin tham khảo (sách, báo, tạp chí, internet...), học theo nhóm, tham quan thực tế, thảo luận trên lớp.

- Nâng cao trình độ về ứng dụng CNTT cho đội ngũ GV trong giảng dạy.

+ Mở lớp hướng dẫn soạn giáo án điện tử, sử dụng các phần mềm hỗ trợ dạy học.

+ Tổ chức hội thảo chia sẻ kinh nghiệm cách sử dụng khai thác CNTT trong dạy học.

- *Xây dựng mối quan hệ giữa trí tuệ và tâm hồn; tư duy và cảm xúc trong quá trình dạy học:* GV phải tác động vào tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú học tập cho SV-HS. Ngoài ra, GV cần đem lại những ấn tượng sâu sắc, cảm xúc mạnh mẽ ở người học giúp người học có động lực, có niềm tin vào việc học của mình sẽ đạt kết quả tốt.

4.8. Hoàn thiện CSVC-TBDH phục vụ hoạt động đào tạo

- Nâng cao nhận thức đối với việc sử dụng CSVC-TBDH.

+ Tuyên truyền, phổ biến đến toàn thể GV nhận thức được vị trí, vai trò của CSVC-TBDH trong hoạt động giáo dục.

+ Đề ra các tiêu chí thi đua liên quan đến việc ứng dụng thiết bị dạy học trong giảng dạy.

+ Liên hệ các nhà cung cấp thiết bị dạy học giới thiệu đến các GV danh mục thiết bị dạy học tiên tiến.

- Căn cứ vào các văn bản quy định việc quản

lý CSVC-TBDH, nhà trường nhanh chóng cụ thể hóa thành quy chế, quy định riêng về quản lý CSVC-TBDH.

- Xây dựng thư viện giàu nguồn tài liệu; tài liệu tham khảo, sách chuyên ngành giáo dục mầm non đủ về số lượng cũng như chất lượng. Triển khai xây dựng thư viện điện tử.

- Xây dựng phòng chức năng thực hành cho SV-HS ngành Sư phạm Mầm non: Có kế hoạch xây dựng, thiết kế phòng thực hành chuyên môn cho SV-HS ngành sư phạm mầm non như phòng đàn, phòng múa, phòng thực hành dinh dưỡng, phòng tập giảng.

- Chú trọng công tác mua sắm thiết bị và phương tiện dạy học.

- Thanh tra, kiểm tra CSVC-TBDH: Lên kế hoạch thanh tra, kiểm tra theo định kỳ, kiểm tra thực tế để nâng cao trách nhiệm của Bộ môn trong việc quản lý tài sản chung của nhà trường.

5. Kết luận

Một trong những mục tiêu chung của giáo

dục là “Đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp, chương trình giáo dục các cấp học và trình độ đào tạo, phát triển đội ngũ nhà giáo đáp ứng nhu cầu, vừa tăng quy mô, vừa nâng cao chất lượng, hiệu quả và đổi mới phương pháp dạy học; đổi mới quản lý giáo dục cơ sở pháp lý và phát huy nội lực phát triển giáo dục”.

Để thực hiện mục tiêu trên cần phải huy động mọi lực lượng giáo dục tham gia, trong đó vai trò của quản lý hoạt động đào tạo có một ý nghĩa rất quan trọng. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, chúng tôi đã xác lập 8 biện pháp quản lý hoạt động đào tạo GVMN ở Trường CĐSP Bà Rịa - Vũng Tàu. Các biện pháp có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, hỗ trợ, bổ sung lẫn nhau trong việc tăng cường quản lý hoạt động đào tạo GVMN và cần được thực hiện một cách đồng bộ trong thực tiễn quản lý hoạt động đào tạo GVMN. Tuy nhiên, nhà trường cần sử dụng linh hoạt các biện pháp trên tương ứng với điều kiện và thời gian thích hợp.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Đề án đổi mới giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020*.
- [2]. Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo (2008), *Điều lệ Trường mầm non*, Ban hành kèm theo quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008, Hà Nội.
- [3]. Nguyễn Quốc Chí, Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2000), *Lý luận đại cương về quản lý*, Hà Nội.
- [4]. Hồ Văn Liên (2005), *Tổ chức và quản lý giáo dục*, NXB Giáo dục Hà Nội.
- [5]. Cao Đức Tiến (1999), “Vấn đề đổi mới phương pháp đào tạo giáo viên”, *Nghiên cứu Giáo dục*, (Tháng 02).

Summary

On the basis of analyzing the current situation management of the preschool teacher training at Ba Ria - Vung Tau Teacher Training College, the article proposes some feasible solutions to overcome the limitations having existed in teacher training management activities at school, aiming to contribute toward improving the training quality to satisfy the requirements of human resources for society in general and Ba Ria - Vung Tau province in particular.

Keywords: training; preschool teacher; management.

Ngày nhận bài: 25/6/2014; ngày nhận đăng: 04/8/2014.